



PIONEER SHIPBROKERS CO., LTD.

(A MEMBER OF THE VIETNAM SHIPOWNER'S ASSOCIATION)

SHIP SALE & PURCHASE – CHARTERING

No.13, Ngan Long villas, Nguyen Huu Tho Street, Nha Be District, HCMC

Tel: 028-38817289

www.pioneershipbrokers.com.vn

Nhằm phục vụ nhu cầu của khách hàng và cập nhật thông tin thị trường ngày càng tốt hơn, công ty môi giới hàng hải Tiên Phong (Pioneer Shipbrokers) giới thiệu đến quý khách hàng ứng dụng **Pioneer Shipbrokers** có trên iOS và Android, công cụ hữu ích cho khách hàng quan tâm lĩnh vực mua bán tàu biển và thông tin thị trường

TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

TUẦN 29/2025

(15/07/2025 – 21/07/2025)

1. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÃ QUA SỬ DỤNG:

Ở mảng tàu hàng khô, chỉ số BDI ghi nhận tăng 150 điểm (↑8%) lên 2.016 điểm. Tổng quan chỉ số thuê tàu các phân khúc tuần qua phân hoá như sau: Capesize đã tăng phi mã và vượt mức 3.000 điểm, song đầu tuần giảm nhẹ một chút còn 2.981 điểm (tăng 1.448 điểm tương đương ↑94,45%). Sự tăng trưởng này là nhờ nguồn cung tàu giảm cộng thêm nguồn quặng sắt ổn định, nhu cầu mạnh mẽ từ các đơn đặt hàng tháng 8. Tuy vậy, đà tăng trưởng này không dành cho tất cả. Ngược lại, bất kể nguồn cung tàu giảm và được hỗ trợ bởi nhu cầu chở quặng tăng, song Panamax vẫn giảm nhẹ 75 điểm (↓3,7%) còn 1.915 điểm. Nguyên nhân có thể là do nhu cầu ngũ cốc suy yếu nói chung và cước thấp nên nhiều chủ tàu chưa tích cực đàm phán. Hai phân khúc còn lại tăng khiêm tốn: Supramax tăng 59 điểm (↑4,58%) lên 1.346 điểm và Handysize tăng 19 điểm (↑2,89%) lên 675 điểm. Thị trường mua bán tàu tuần qua cũng khá sôi động và tập trung ở các phân khúc quen thuộc như Panamax, Supramax, Handysize với các tàu bán hầu hết là đóng tại Trung Quốc. Cước Supramax đã tăng trở lại nên thu hút nhiều sự quan tâm của Người mua hơn. Với mục tiêu đổi mới đội tàu và thoái vốn khỏi các tàu cũ phát thải cao, tập đoàn SFL tiếp tục tạm biệt cặp tàu 56.800 dwt đóng Trung Quốc là **SFL Humber** (đóng 2012) và **SFL Kate** (đóng 2011) với giá tương ứng là 12,5 triệu đô la Mỹ và 11,5 triệu đô la Mỹ. Điều đó khiến cặp tàu này có giá khá rẻ so với mặt bằng chung thị trường, đơn cử tàu tương tự **Eplic Trader** (56.778 dwt, đóng 2012 Trung Quốc, DD 10/2025, SS 08/2027) được chủ tàu Hy Lạp chốt với giá khoảng 13 triệu đô la Mỹ. Ngoài ra, tàu trẻ hơn hai tuổi **Stonewell Pioneer** (56.533 dwt, đóng 2014 Trung Quốc, máy chính máy điện, DD 08/2027, SS 06/2029) cũng vừa được chủ tàu Trung Quốc chốt cho người mua Hy Lạp với giá khoảng 14,5 triệu đô la Mỹ. Ở phân khúc Handysize, ghi nhận chủ tàu Pacific Basin chốt nhanh tàu **Mount Rainier** (32.816 dwt, đóng 2005 Nhật, chở gỗ được) với hạn đà cận kề DD/SS 8/2025. Tuy giá bán chưa được công bố rộng rãi song ước tính khoảng 7 triệu đô la Mỹ.

Ở mảng tàu dầu/hóa chất, hơn một tháng qua thị trường tiếp tục xu hướng đi ngang. Các chỉ số dao động tương đối nhẹ nhàng: chỉ số BCTI (Baltic Clean Tanker Index) tăng 34 điểm (↑5,7%) lên 621 điểm còn chỉ số BDTI (Baltic Dirty Tanker Index) lại giảm 18 điểm (↓1,9%) còn 909 điểm. Tuần trước có tin chủ tàu Hàn Quốc HMM đang đàm phán bán cặp tàu chemical **Oriental Diamond** và **Oriental Gold** (50.500 dwt đóng 2008 Hàn Quốc), DD 5-7/2026, SS 4-6/2028) với giá xung quanh 16 triệu đô la Mỹ/tàu. Nay báo chí đưa tin giá chốt khoảng 15,5 triệu đô la Mỹ/tàu. Đầu năm, từng có Người mua trả mức 20,5 triệu đô la Mỹ mỗi tàu song giao dịch bất thành và với nhiều biến động thị trường, giá tàu MR đã giảm nhiều kể từ đó. Vốn dĩ hạn đà hai tàu này cũng không quá gấp rút, nếu công ty HMM thật sự chốt tàu với giá 15,5 triệu/tàu như trên thì mức này rất rẻ so với mặt bằng chung. Tuần trước, tàu tương tự **Valrossa** (50.344 dwt, đóng 2008 Hàn Quốc, DD 05/2026, SS 03/2028) được bán thành công với giá khoảng 17 triệu đô la Mỹ. Tàu chemical **Grand Ace1** (45.990 dwt, đóng 2006 Hàn Quốc, DD/SS 02/2026) được chủ tàu Pan Ocean bán với giá khoảng 11 triệu đô la Mỹ. Mức này khá mềm do tàu cần lên đà ngay vào đầu năm 2026. Tháng trước tàu trẻ hơn một tuổi **Grand Ace7** (46.140 dwt, đóng 2007 Hàn Quốc, DD 03/2026, SS 12/2027) về tay Người mua Ấn Độ với giá khoảng 14 triệu đô la

Mỹ. Ở dòng tàu stainless steel, tàu trẻ **Fairchem Conquest** (21.176 dwt, đóng 2017 Nhật, DD 12/2025, SS 08/2027) được chủ tàu Nhật mời chào giá ngày 8-9/7 nay ghi nhận chốt với giá khoảng 30 triệu đô la Mỹ. Xét đến việc tàu sắp lên đà trung gian thì giá này hơi mềm một chút, song vì dòng tàu này siêu hiếm trên thị trường nên giá tàu **Fairchem Conquest** sẽ tạm thời thiết lập mốc tham chiếu mới nhất.

Bảng ghi nhận các giao dịch mua bán tàu đã qua sử dụng trong tuần qua:

Name	Blt Year	Blt Place	Dwt	Price M.USD	Buyers	Comment
BULKERS / GENERAL CARGO CARRIERS						
Pacific North	2011	China	180,337	25.00	Undisclosed	Scrubber fitted, DD/SS due 12/2025
Pacific West	2011	China	175,932	23.20	Undisclosed	Scrubber fitted, DD 03/2026, SS 11/2027
Ultra Lion	2015	Tsuneishi Zhoushan, China	81,843	24.80	Undisclosed	Scrubber fitted, DD 01/2028, SS 1/2030
Shandong Fu Yuan	2018	China	81,781	23.80	Undisclosed	DD 03/2026, SS 05/2028
White Whale	2012	China	76,039	12.75	Hellenic Carriers	Bss delivery Brazil, DD 10/2025, SS 07/2027
SFL Humber	2012	China	56,970	12.50	Undisclosed	DD/SS 01/2027
SFL Kate	2011	China	56,798	11.50	Undisclosed	DD/SS 08/2026
Epic Trader	2012	China	56,778	13.00	Chinese	DD 10/2025, SS 08/2027, Greek owners
Stonewell Pioneer	2014	China	56,533	14.50	Greek	Electronic M/E, DD 08/2027, SS 06/2029, Chinese owners
Pauline	2007	Japan	53,464	11.00	HK-based, RC Wealth Shipping	Old sale, DD due 08/2025, SS 05/2027, Greek owners
Hamburg Way	2016	China	39,376	17.10	European	DD/SS 06/2026
Hamburg Pearl	2016	China	39,359	17.10		DD/SS 04/2026
Mount Rainier	2005	Japan	32,816	Undisclosed	Undisclosed	Log-fitted, DD/SS due 08/2025, Pacific Basin owners
IVS Kinglet	2011	Japan	33,132	Undisclosed	Undisclosed	OHBS, DD/SS 08/2026
Chang An	2009	China	31,800	Undisclosed	Undisclosed	Log-fitted, DD 10/2027, SS 08/2029, Chinese owners
TANKERS						
Ijemo	2003	Korea	151,736	40.00	Undisclosed	Scrubber fitted, DD 2/2027, SS 11/2028
Adebomi	2004	Japan	150,611			Scrubber fitted, DD 08/2027, SS 05/2029

Lamu	2025	China	113,633	72.00	KMTF	Scrubber fitted, ice class 1C, DD 05/2028, SS 05/2030
Dune	2025	China	113,633	72.00		Scrubber fitted, ice class 1C, DD 06/2028, SS 06/2030
Oriental Diamond	2008	Korea	50,781	15.50	Middle Eastern	Chemical IMO III, epoxy coated, DD 05/2026, SS 04/2028
Oriental Gold	2008	Korea	50,591	15.50		Chemical IMO III, epoxy coated, DD 07/2026, SS 06/2028
Bull Shark	2009	Korea	49,999	17.15	Undisclosed	Chemical IMO II/III, epoxy coated, DD 06/2027, SS 03/2029
Grand Ace1	2006	Korea	45,990	11.00	Undisclosed	Chemical IMO II, epoxy phenolic coated, DD/SS 02/2026
Favola	2002	Korea	37,320	7.00	Nigerian	Chemical IMO II, epoxy coated, DD 11/2025, SS 08/2027
Fairchem Conquest	2017	Japan	21,176	30.00	European	Chemical IMO II/III, stainless steel, DD due 12/2025, SS 08/2027, Japanese owners
CONTAINERS						
Kawa Ningbo	2020	Japan	30,240	20.50	Undisclosed	2496 teu, DD/SS 5/2027
Shecan	2008	China	12,599	9.50	Middle Eastern	908 teu, gearless, ice class II, DD 05/2026, SS 10/2028
Formosa Container No.4	2007	China	11,975	7.50	Undisclosed	920 teu, gearless, Taiwanese
OTHERS						
Bu Sidra	2008	Korea	54,534	63.50	Indian	LPG 80770 cbm, DD 03/2026, SS 10/2028
Lubara	2009	Korea	54,526	63.50		LPG 80803 cbm, DD 05/2027, SS 03/2029
Sakura Spirit	2017	Korea	28,104	Undisclosed	Turkish	LPG 37250 cbm, DD passed end May 2025, next DD/SS 04/2027

Bảng minh họa giá trị tàu đã qua sử dụng cập nhật theo số liệu gần nhất và so sánh với 5 năm qua (số liệu dựa trên chuẩn là tàu đóng tại Nhật:

Giá trị tàu hàng khô (đv: triệu đô la Mỹ)		% thay đổi theo (M (month) = tháng)					TB 5 năm
		07/2025	1M	3M	6M	12M	

CAPESIZE

180k dwt	Resale	76.00	0%	0%	1%	-1%	60.50
180k dwt	5 tuổi	63.00	0%	0%	2%	-1%	44.75
170k dwt	10 tuổi	45.00	2%	2%	7%	3%	31.50
150k dwt	15 tuổi	26.00	0%	-5%	2%	-7%	20.00

PANAMAX

82k dwt	Resale	38.00	-1%	-1%	-5%	-12%	36.75
82k dwt	5 tuổi	30.50	-3%	-6%	-10%	-20%	30.25
76k dwt	10 tuổi	23.50	-3%	-6%	-4%	-19%	21.25
74k dwt	15 tuổi	15.00	-2%	-5%	-2%	-21%	14.00

SUPRAMAX

62k dwt	Resale	38.00	0%	0%	-3%	-8%	34.75
58k dwt	5 tuổi	30.50	0%	-3%	-6%	-16%	26.00
56k dwt	10 tuổi	22.50	-2%	-4%	-3%	-20%	19.00
52k dwt	15 tuổi	14.50	-3%	-5%	-2%	-12%	13.00

HANDYSIZE

37k dwt	Resale	32.50	-2%	-2%	-5%	-6%	29.00
37k dwt	5 tuổi	25.50	2%	0%	-3%	-9%	22.75
32k dwt	10 tuổi	19.00	4%	7%	0%	-7%	15.25
28k dwt	15 tuổi	11.80	-2%	-2%	-2%	-9%	9.75

Giá trị tàu dầu/hóa chất (đv: triệu đô la Mỹ)		% thay đổi theo (M (month) = tháng)					TB 5 năm
		07/2025	1M	3M	6M	12M	

VLCC

310k dwt	Resale	147.00	1%	2%	-1%	2%	114.00
310k dwt	5 tuổi	117.00	2%	4%	3%	2%	86.75
250k dwt	10 tuổi	87.00	2%	5%	2%	3%	62.00
250k dwt	15 tuổi	58.00	0%	9%	7%	1%	44.25

SUEZMAX

160k dwt	Resale	94.00	0%	0%	-3%	-5%	78.50
150k dwt	5 tuổi	77.00	0%	0%	0%	-7%	60.75
150k dwt	10 tuổi	62.00	0%	0%	3%	-8%	45.25
150k dwt	15 tuổi	41.00	0%	0%	-9%	-13%	29.25

AFRIMAX

110k dwt	Resale	75.00	0%	0%	-9%	-12%	65.25
110k dwt	5 tuổi	62.50	0%	0%	-7%	-13%	51.50
105k dwt	10 tuổi	50.00	0%	0%	-4%	-16%	38.25
105k dwt	15 tuổi	34.00	0%	0%	-8%	-17%	25.25

MR

52k dwt	Resale	50.00	0%	0%	-4%	-8%	44.50
52k dwt	5 tuổi	40.00	0%	-2%	-5%	-15%	35.50
45k dwt	10 tuổi	30.00	0%	-3%	-6%	-22%	25.75
45k dwt	15 tuổi	18.50	0%	-12%	-14%	-34%	17.25

2. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÓNG MỚI:

Type	Size	Price (m.usd)	Qty	Yard	Owners	Delivery	Comments
LPG	51,000 cbm	84.00	2	Nantong CIMC	Navigator Gas	Jun – Oct 2028	Price per unit, ammonia-fueled
Tanker	158,000 dwt	90.00	2+2	Hengli	Eastern Pacific	Late 2027-2028	Price per unit
Tanker	75,500 dwt	55.00	4	New Times	Tsakos	2027-2028	Price per unit
Tanker	5,000 dwt	-	1	Saiki Shipbuilding	Itochu	Q3 2027	Ammonia bunkering
Bulker	210,400 dwt	73.50	2	CSSC Shipping China	Qingdao Beihai	Q4 2027-Q1 2028	Price per unit
Container	22,000 teu	-	4	SWS	MSC	End 2028	
Container	15,000 teu	-	7	Hanwha China	Yang Ming	2028-2029	
Container	4,500 teu	57.00	4	Taizhou Sanfu	MPC Container	SH 2027	Price per unit

Bảng minh họa giá tàu đóng mới cập nhật theo số liệu gần nhất và so sánh với 5 năm qua (số liệu dựa trên chuẩn là tàu đóng tại Nhật)

Giá trị tàu hàng khô đóng mới (đv: triệu đô la Mỹ)	% thay đổi theo (M (month) = tháng)				
	07/2025	1M	3M	6M	12M
Capesize (180.000 dwt)	71.5	0.00%	-4.67%	-5.92%	-6.54%
Panamax (77.000 dwt)	37.0	0.00%	1.37%	-1.33%	-1.33%
Supramax (61.000 dwt)	34.0	0.00%	0.00%	-2.16%	0.00%
Handysize (37.000 dwt)	30.0	0.00%	0.00%	-1.64%	-1.64%

Giá trị tàu dầu/hóa chất đóng mới (đv: triệu đô la Mỹ)	% thay đổi theo (M (month) = tháng)				
	07/2025	1M	3M	6M	12M
VLCC (300.000 dwt)	128.0	0.00%	0.79%	-2.29%	-2.66%
Suezmax (170.000 dwt)	86.0	0.00%	0.00%	-0.58%	1.78%
A.max (115.000 dwt)	74.0	0.00%	-0.67%	-3.27%	-1.99%
MR (56.000 dwt)	52.0	0.00%	-0.00%	-4.59%	-2.80%

3. THỊ TRƯỜNG THUÊ TÀU

3.1. Thị trường thuê tàu hàng khô:

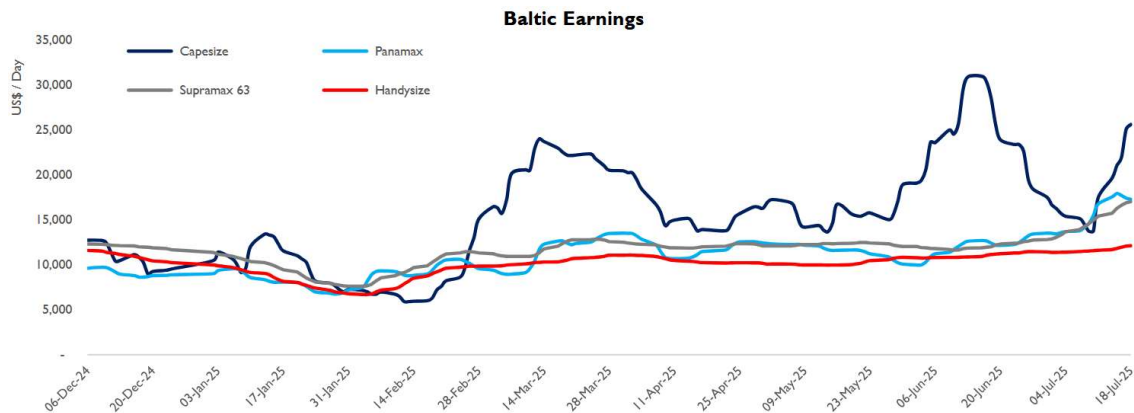
Chỉ số cước trung bình phân khúc **Ultramax** và **Supramax** tuần qua đóng cửa ở mức 17.017 đô la Mỹ, tăng mạnh 1.609 đô la Mỹ so với mức 15.408 đô la Mỹ của tuần trước. Thị trường tiếp tục đà tăng mạnh mẽ, với cước phí tăng trên tất cả các lưu vực chính trong bối cảnh nguồn cung tàu khan hiếm và nhu cầu mạnh mẽ. Lưu vực Đại Tây Dương vẫn là động lực chính, với Vịnh Châu Mỹ và Nam Đại Tây Dương đạt mức kỷ lục trong nhiều năm. Điều này giúp các chủ tàu duy trì mức giá cao hơn trên khắp các tuyến Continent và Địa Trung Hải. Trong khi đó, các tuyến Châu Á chứng kiến mức tăng ổn định hơn nhưng có kiểm soát. Sức bật của thị trường được củng cố bởi mức phí cao của tàu Ultramax và tình trạng thiếu hụt tàu trên diện rộng.

Chỉ số cước trung bình phân khúc **Handies** tuần qua đóng cửa ở mức 12.110 đô la Mỹ, tăng 506 đô la Mỹ so với mức 11.604 đô la Mỹ của tuần trước. Đây là một tuần nhìn chung khá tích cực, với việc giá cước tăng ở hầu hết các khu vực. Thị trường Continent - Địa Trung Hải tiếp tục đà phục hồi chậm rãi, với tâm lý thị trường phần lớn được định hình bởi các yếu tố vị trí và thiếu hụt rõ rệt các tàu đi ngay. Hàng hóa cho các ngày giao ngay đã đạt được mức chưa từng thấy trong vài tháng qua. Một tàu khoảng 38.000 dwt neo ở Tây Địa Trung Hải đã được thuê cho chuyến đi nội hải với giá khoảng 12.000 đô la Mỹ. Cả thị trường Nam Đại Tây Dương và Vịnh Châu Mỹ đều duy trì vững chắc, được hỗ trợ bởi nhu cầu ổn định và triển vọng lạc quan. Sự quan tâm đến các hợp đồng thuê tàu dài hạn ngày càng rõ rệt, một tàu khoảng 35.000 dwt neo ở Mobile đã được đàm phán thuê ngắn hạn với giá khoảng 11.500 đô la Mỹ. Nhiều chủ tàu khác hiện đang nhắm đến những hợp đồng dài hạn hơn, cho thấy sự tin tưởng vào sự ổn định của thị trường trong tương lai.

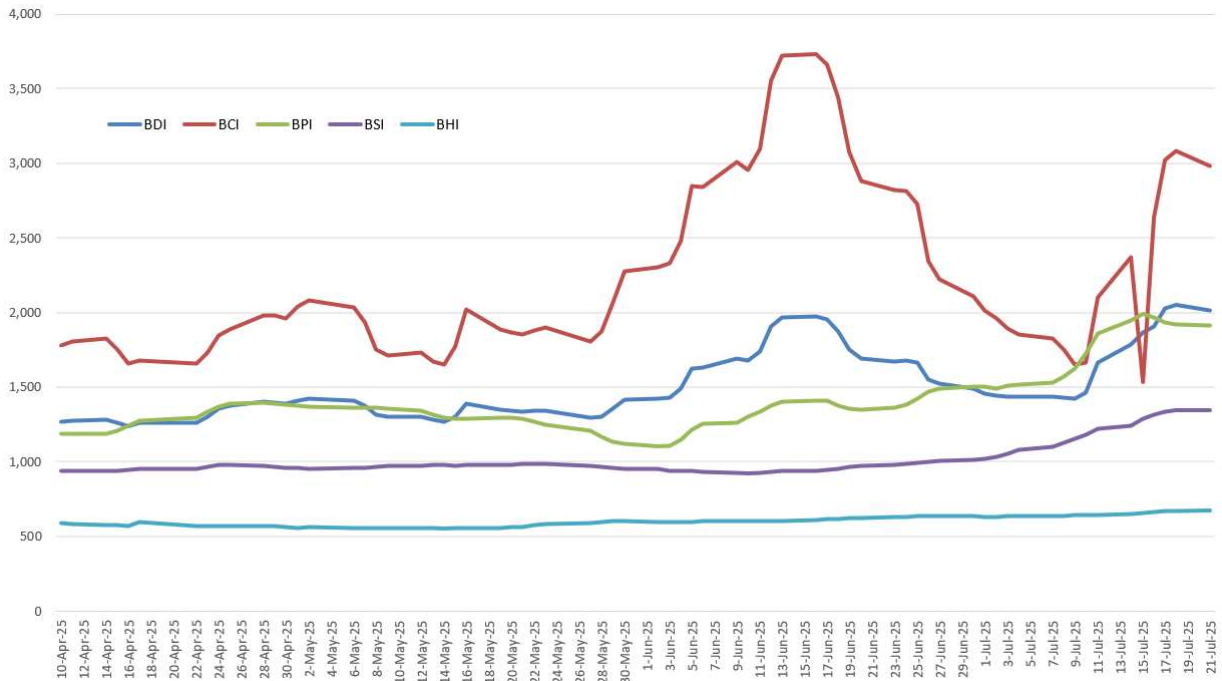
GIÁ THUÊ T/C TRUNG BÌNH TÀU HÀNG KHÔ THAM KHẢO NGÀY 21/07/2025

	US\$/ngày	▼ / ▲
SUPRAMAX	14.983	▲ 1.609
HANDIES 38K	12.110	▲ 506

(so sánh với giá trị ngày 14/07/2025)



CHỈ SỐ THỊ TRƯỜNG TÀU HÀNG KHÔ



3.2. Thị trường thuê tàu dầu/hóa chất:

Tại thời điểm báo cáo, giá dầu thô Mỹ WTI giao dịch ở ngưỡng 67,22 đô la Mỹ/thùng - giảm 0,12% so với phiên giao dịch trước đó, trong khi giá chuẩn Brent dừng lại ở mức 69,09 đô la Mỹ/thùng - tăng 0,17%. Giá dầu thế giới giảm nhẹ khi các lệnh trừng phạt mới nhất của châu Âu đối với dầu của Nga được đánh giá là sẽ không gây tác động lớn đến nguồn cung. Tuy nhiên, đà giảm bị hạn chế bởi lo ngại của giới đầu tư về khả năng thiếu hụt nguồn cung dầu diesel. Theo đánh giá, OPEC+ dự báo nhu cầu dầu trong quý III/2025 sẽ rất mạnh, với thâm hụt nguồn cung dự kiến sau đó dù liên minh đang tăng sản lượng. Tăng trưởng nhu cầu ước tính khoảng 1,3 triệu thùng/ngày, nhờ sự phục hồi của nền kinh tế toàn cầu. Tuy nhiên OPEC đã hạ dự báo tăng trưởng ngắn hạn, liên quan đến Trung Quốc, trong khi cải thiện triển vọng dài hạn tại các nền kinh tế đang phát triển.

3.2.1 Phân khúc tàu chở dầu thô

Phân khúc tàu VLCC	Thị trường tàu VLCC tại khu vực Trung Đông ghi nhận sự phục hồi nhờ vào số lượng hàng hóa tăng lên dành cho các chuyến vào cuối tháng 7. Đơn cử, cước cho tuyến Trung Đông/Trung Quốc hiện được ký kết ở mức WS 53. Tại khu vực Đại Tây Dương, cước từ khu vực Tây Phi đi Trung Quốc duy trì quanh mức WS 51 – 52. Tuy nhiên, do số lượng tàu có sẵn vẫn cao, người thuê tàu vẫn tiếp tục duy trì tâm lý khá thận trọng.		
	Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)
	Trung Đông/Trung Quốc	29.057	32,705
	USG/Trung Quốc	35.077	37,567
			Xu hướng so với tuần trước
			↑
			↑

Phân khúc tàu Suezmax	Theo ghi nhận, cước tàu Suezmax tại khu vực Tây Phi hiện xuất hiện các dấu hiệu tích cực, được hỗ trợ bởi số lượng hàng hóa khả quan hơn từ khu vực CPC thuộc Biển Đen. Theo ghi nhận, cước cho tuyến Nigeria/UKC đang được ký kết ở mức WS 89. Trong khi đó, cước trên tuyến Trung Đông/Địa Trung Hải (qua kênh đào Suez) vẫn duy trì ở mức WS 96.			
	Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)	Xu hướng so với tuần trước
	Tây Phi / Cont	30.009	34,760	↑
	Guyana / UKC	27.741	30,358	↑
Phân khúc tàu Aframax	Theo đánh giá, phân khúc Aframax tại khu vực Trung Đông hiện tại không có nhiều biến động đáng kể. Mặc dù, mức cước cho phân khúc này theo đánh giá có sự trầm lắng rõ rệt so với các phân khúc lớn hơn. Tại khu vực Địa Trung Hải, cước trên tuyến Ceyhan/Lavera đã được cải thiện hơn trong tuần, hiện đang ở quanh mức WS 136.			
	Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)	Xu hướng so với tuần trước
	UKC / UKC	29.217	24,914	↓
	Med / Med	25.761	30,087	↑
	USG / Cont	31.140	25,050	↓
	EC Mex / USG	27.212	20,776	↓

3.2.2 Phân khúc tàu chở dầu thành phẩm/ hóa chất:

Đối với phân khúc **tàu MR-Handy**: Thị trường MR tại khu vực Địa Trung Hải ghi nhận sự sôi động được diễn ra trong tuần. Mức cước hiện tăng trở lại và vượt mốc WS 100, tương tự cũng được ghi nhận tại tuyến Cont/USAC. Tâm lý chủ tàu sẽ muốn giữ hoặc đẩy mức này lên cao hơn vào tuần tới. Tuy nhiên, dự đoán vào cuối tháng, số lượng tàu có sẵn sẽ tăng trở lại có thể sẽ khiến mức cước duy trì ổn định quanh mức WS 125. Tại khu vực Trung Đông, cùng chung xu hướng tích cực khi số lượng tàu trong khu vực đã giảm giúp đẩy cước lên mức cao hơn. Đơn cử, tuyến Trung Đông đi Đông Phi tăng vững vàng, đạt mức cao nhất WS 222.5, tùy thuộc thêm vào các điều khoản thỏa thuận. Bên cạnh đó, các tuyến hướng về phía Tây vẫn giữ quanh mức tổng 2,3 triệu đô la Mỹ cho các tàu hiện đại, nhưng có thể đạt được cước cạnh tranh nếu chấp nhận chất lượng tàu lớn tuổi và điều kiện hạn chế hơn. Đồng thời, cước trên tuyến WCI/Japan hiện được chốt quanh mức WS 160, cùng với đó tuyến ME Gulf/Japan cho phân khúc lớn hơn cũng ghi nhận sự tích cực vững vàng, dự đoán rằng thị trường sẽ tiếp tục khởi sắc trong thời gian tới. Theo báo cáo, khu vực Bắc Á cũng ghi nhận một tuần nhộn nhịp, với số lượng tàu có sẵn hạn chế giúp các chuyến cuối tháng duy trì mức cước ổn định. Các chuyến quay đầu trở lại được chốt quanh mức 625.000 đô la Mỹ, trong khi cước cho tuyến Hàn Quốc/Úc đã điều chỉnh và ổn định ở mức WS 198. Thị trường Handy tại Địa Trung Hải cũng theo xu hướng lạc quan trong tuần, khiến lượng tàu có sẵn giảm mạnh. Với sự hỗ trợ từ các chuyến thay thế, chủ tàu đã có thể chốt ở mức WS 190. Tuy nhiên, các chuyến tiêu chuẩn đã lùi về quanh mức WS 160, với mức này được lặp lại nhiều lần trên những tàu

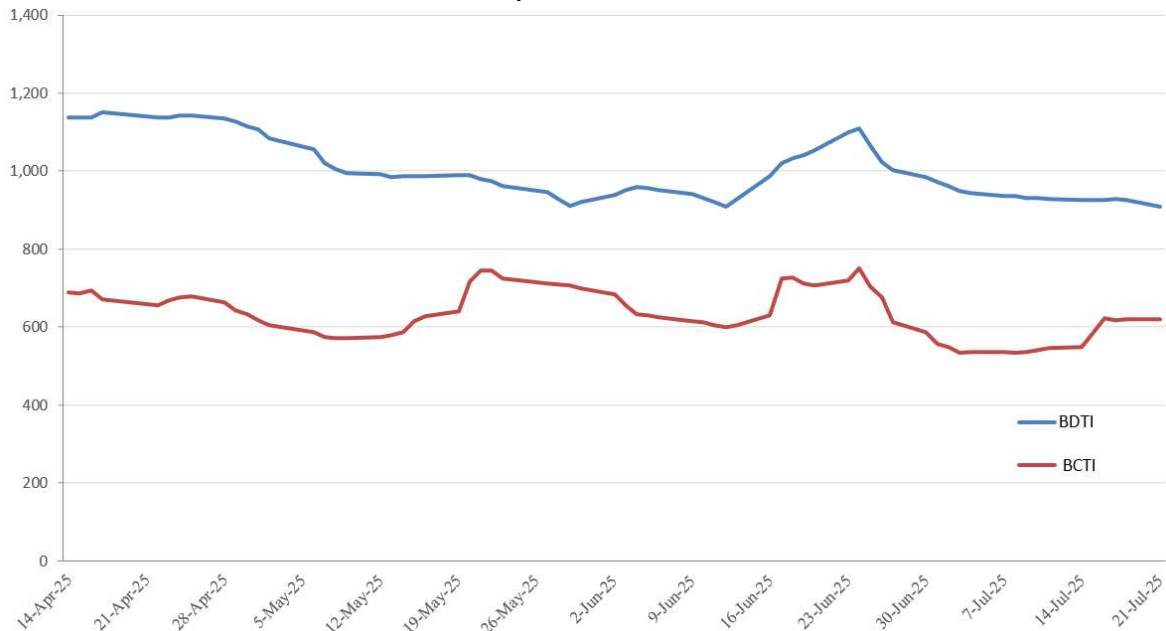
có chất lượng thấp hơn. Phần lớn các nhà thuê tàu và chủ hàng đã tạm ngưng đưa các lô hàng vào thị trường, để chờ số lượng tàu có sẵn hồi phục và mức cước có phần cạnh tranh hơn.

Phân khúc tàu dầu/hóa chất nhỏ: Các giao dịch hàng hóa đi khu vực phía Bắc trong tháng 7 nhìn chung không mấy khả quan, khi người thuê tàu bắt đầu tìm tàu cho các lô hàng vào tháng 8. Cước có sự cải thiện nhẹ nhưng do số lượng tàu có sẵn vẫn cao nên chưa có sự đột phá đáng kể cho tuyến này. Ngược lại, các hoạt động hàng hóa khu vực phía Nam và các lô hàng chở acid trong tháng 8 đang tăng lên. Cước vẫn tiếp tục tăng so với trước đó, có tin đồn rằng cước trên tuyến Viễn Đông/Ấn Độ đã được ký kết ở mức 46 – 48 đô la Mỹ/tấn, so với mức 44 đô la Mỹ/tấn từ lần báo cáo gần nhất. Bên cạnh đó, Exxon đã chào ra với một lô hàng Lube oil đi WCI, lịch trình vào nửa cuối tháng 7, tuy nhiên do thiếu hụt tàu có sẵn nên hiện họ đang cân nhắc phương án khác. Đối với thị trường dầu cò, chủ hàng đang tích cực tìm cách vận chuyển hàng hóa ra khỏi Indonesia để tránh đợt tăng thuế xuất khẩu sắp tới (khoảng 25 đô la Mỹ/tấn). Tuy nhiên, do thiếu hụt tàu có sẵn trong tháng 7, nên cước hiện tại duy trì ở mức cao. Theo ghi nhận, một chuyến từ Straits đến WCI được ký kết ở mức 47 đô la Mỹ/tấn – cao hơn khoảng 10 đô la Mỹ/tấn so với các chuyến hồi tháng 6. Ghi nhận một số lô hàng dầu cò cho tháng 8 bắt đầu xuất hiện, nhưng giữa chủ tàu và chủ hàng vẫn còn khoảng cách lớn về mức cước mong muốn. Tâm lý chủ tàu kỳ vọng mức cước cao sẽ kéo dài sang tháng 8, trong khi các chủ hàng thì phản đối do nhu cầu tại Ấn Độ đang chậm lại.

Bảng minh họa giá thuê tàu định hạn cập nhật theo số liệu gần nhất (US\$/ngày):

	Giá thuê tàu định hạn tuần 29/2025			Giá thuê tàu định hạn tuần 28/2025		
	1 NĂM	3 NĂM	5 NĂM	1 NĂM	3 NĂM	5 NĂM
VLCC	49,000	47,000	46,500	50,000	48,000	47,500
SUEZMAX	33,000	32,000	31,000	34,000	33,000	32,000
AFRAMAX	30,000	29,500	28,500	29,500	29,500	28,500
LR-2	29,500	29,500	29,000	29,500	29,500	29,000
LR-1	24,500	23,000	22,500	24,500	23,000	22,500
MR	20,000	19,000	19,000	20,000	19,000	19,000
HANDY	17,500	17,000	17,000	17,500	17,000	17,000

CHỈ SỐ THỊ TRƯỜNG TÀU DẦU



4. THỊ TRƯỜNG TÀU PHÁ DỠ:

GIÁ PHÁ DỠ THAM KHẢO

(dành cho tàu có lt > 5.000)

STT	Giao tại	Tàu hàng rời	Tàu dầu	Tàu container
		US\$ ▼/▲	US\$ ▼/▲	US\$ ▼/▲
1	Pakistan	420	440	450
2	Bangladesh	400	420	430
3	India	410	430	440
4	Turkey	250	260	270

(đơn vị tính: usd/lt ldt. 1 lt = 1.017 mt ldt)

MỘT SỐ TÀU PHÁ DỠ GHI NHẬN TRONG TUẦN 29/2025

Name	Type	Blt year	LDT	Demolition place	Price (US\$/lt)	Dwt	Comments
Green Egersund	Reefer	1990	2,976	India	440.00	6,120	
Pattani	Tanker	1998	17,425	Turkey	-	13,805	

CÔNG TY MÔI GIỚI TÀU BIỂN TIÊN PHONG

PIONEER SHIPBROKERS

MUA – BÁN – THUÊ TÀU

Email: snp@pioneershipbrokers.com.vn (S&P) opn@pioneershipbrokers.com (chartering)

Các thông tin trên được chúng tôi tập hợp từ các nguồn thông tin khác nhau và chỉ mang tính tham khảo.

Chúng tôi không chịu trách nhiệm về bất cứ khiếu nại nào liên quan đến tính chính xác của các thông tin trên.